

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN THU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN THU

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101481956

**3. Ngày thành lập:** 24/02/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tân Lập, Xã An Tân, Huyện An Lão, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0982 001 459

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi xây dựng                                                                                   | 0810                                                         |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình điện, cấp thoát nước                        | 4290                                                         |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                 | 4933                                                         |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                 | 4330                                                         |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                             | 4652                                                         |
| 6.  | Khai thác gỗ                                                                                                                                                   | 0221                                                         |
| 7.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                  | 0222                                                         |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663                                                         |
| 9.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                  | 3100                                                         |
| 10. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                        | 1622                                                         |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                            | 4210                                                         |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp                      | 4669                                                         |
| 14. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                     | 3312                                                         |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                            | 4651                                                         |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                               | 4932                                                         |
| 17. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                   | 4100(Chính)                                                  |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                        | 4312                                                         |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                         | 0130                                                         |
| 20. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                   | 0161                                                         |
| 21. | Trồng rừng và chăm sóc rừng<br>Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                 | 0210                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                   | 0240                                                         |
| 23. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                 | 1610                                                         |
| 24. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                         | 4620                                                         |
| 25. | Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, giấy phép kinh doanh theo quy định                                                                                           | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

## 6. Chủ doanh nghiệp:

Họ và tên: TRẦN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 211885864

Ngày cấp: 26/06/2003

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Lập, Xã An Tân, Huyện An Lão, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tân Lập, Xã An Tân, Huyện An Lão, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

7. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định